

TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 238/2025/NĐ-CP HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của UBND xã Đức Châu)

Đơn vị tính: nghìn đồng.

TT	Họ và tên	Tổng số đối tượng	Trong đó				Mức hưởng/01 tháng	Số tháng được hưởng	Kinh phí hỗ trợ học kì I năm học 2024-2025
			1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở GDTX theo chương trình GDPT mở coil cả cha lẫn mẹ	2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên tại các cơ sở GDTX theo chương trình GDPT bị khuyết tật ko thuộc diện HN, Hộ cận nghèo	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở GDTX theo chương trình GDPT có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở GDTX theo chương trình GDPT ở thôn/bản ĐBKK, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo (chưa được công nhận nông thôn			
I	Mầm non	10			10		600	19	7 500
1	Mầm non Diễn Hồng	5			5		150	5	3 750
2	Mầm non Diễn Phong						150	4	
3	Mầm non Diễn Vạn	4			4		150	5	3 000

4	Mầm non Diễn Kỳ	1			1			150	5	750
II	Tiểu học	48		16	32			600	20	36 000
1	Tiểu học Diễn Hồng	20		5	15			150	5	15 000
2	Tiểu học Diễn Phong	7		3	4			150	5	5 250
3	Tiểu học Diễn Vạn	13		3	10			150	5	9 750
4	Tiểu học Diễn Kỳ	8		5	3			150	5	6 000
III	Trung học cơ sở	45	1	16	28			450	15	33 750
1	THCS Diễn Hồng	15		3	12			150	5	11 250
2	THCS Vạn- Phong	19	1	9	9			150	5	14 250
3	THCS Diễn Kỳ	11		4	7			150	5	8 250
	Tổng cộng	103	1	32	70			1 650	54	77 250

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC CHÂU

		học tập	phụ thông mô côi cả cha lẫn mẹ	theo chương trình GDPT bị khuyết tật không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	chương trình GDPT có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ	vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biên hải đảo (chưa được công nhận nông thôn mới)	GDPT bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế (đối tượng hỗ trợ theo TT 42/2013)		2024	
	1	2=3+4+5	3	4	5			6	7=2*6*100	8
A	Hệ công lập			32	70			13	77 250 000	
I	Bậc Mầm non	10			10				7 500 000	
1	Mầm non Diễn Hồng	5			5				3 750 000	
1	Nguyễn Nhật Mạnh				x			5	750 000	Lớn A
2	Trần Thị Thảo				x			5	750 000	Lớn D
3	Nguyễn Thị Thiên Ân				x			5	750 000	Lớn I
4	Lại Ngọc Hiền Nhi				x			5	750 000	Nhỡ B
5	Nguyễn Tiến Đạt				x			5	750 000	Bé B
2	Mầm non Diễn Phong									
3	Mầm non Diễn Vạn	4			4				3 000 000	
1	Phạm Bảo Thư				x			5	750 000	Nhỡ C
3	Lê Tuấn Anh				x			5	750 000	Nhỡ E
4	Lô Gia Bảo				x			5	750 000	Bé C

5	Hoàng Thảo Vy				x			5	750 000	Bé C
4	Mầm non Diễn Kỷ	1			1	0	0		750 000	
3	Trương Duy Khánh				x			5	750.000	Bé A
II	Học sinh tiểu học	48		16	32			13	36 000 000	
1	Tiểu học Diễn Hồng	20		5	15				15 000 000	
1	Nguyễn Gia Minh			x				5	750 000	1E
2	Hồ Minh Nhật				x			5	750 000	1H
3	Vương Thị Vân Anh			x				5	750 000	2E
4	Nguyễn Diệp Anh			x				5	750 000	2C
5	Phạm Quỳnh Như				x			5	750 000	2G
6	Trần Thị Kim Anh				x			5	750 000	2H
7	Hồ Thị Ánh Nguyệt				x			5	750 000	3H
8	Nguyễn Thị Nhã Uyên				x			5	750 000	3D
9	Mai Quang Liêm				x			5	750 000	3D
10	Vũ Thị Thu Hiền				x			5	750 000	3D
11	Phạm Quỳnh Anh				x			5	750 000	4A
12	Lại Mỹ Minh Tâm				x			5	750 000	4A
13	Phan Ngọc Ánh				x			5	750 000	4E
14	Trần Khánh Luân				x			5	750 000	5D
15	Nguyễn Thùy Dung				x			5	750 000	5E
16	Phan Thị Kim Ánh				x			5	750 000	5E

17	Hồ Minh Quân			x				5	750 000	5E
18	Phạm Tuấn Hưng				x			5	750 000	5H
19	Mai Tiến Mạnh				x			5	750 000	5K
20	Nguyễn Thị Linh Chi			x				5	750 000	5I
2	Trường TH Diễn Phong	7		3	4				5 250 000	
1	Phạm Hoàng Bảo Ngọc			x				5	750.000	1A
2	Hoàng Thị Như Quỳnh				x			5	750.000	1B
3	Chu Thị Thảo Chi				x			5	750.000	1A
4	Phạm Quốc Khánh			x				5	750.000	2B
5	Hoàng Thị Khánh An				x			5	750.000	3A
6	Hoàng Quốc Long				x			5	750.000	5B
7	Chu Minh Tiến			x				5	750.000	5B
3	Tiểu học Diễn vạn	13		3	10			13	9 750 000	
1	Phan Anh Tài			x				5	750.000	3A
2	Hà Thuý Diễm				x			5	750.000	3D
3	Hoàng Thị Cẩm Tú				x			5	750.000	3D
4	Lô Mạnh Quỳnh				x			5	750.000	1D
5	Hoàng Hải Yến				x			5	750.000	1D
6	Hà Duy Mạnh				x			5	750.000	2A
7	Nguyễn Hải Đăng				x			5	750.000	4A
8	Phạm Thị Ngọc Trang				x			5	750.000	5C

9	Phan Hoàng Anh Tuấn			x				5	750.000	5C
10	Phan Thanh Thân				x			5	750.000	2D
11	Hà Trung Kiên			x				5	750.000	2D
12	Lê Viết Ngọc				x			5	750.000	5A
13	Nguyễn Hồng Ân				x			5	750.000	1E
4	Tiểu học Diễn Kỹ	8		5	3				6 000 000	
1	Ngô Thị Bảo Trâm			x				5	750.000	3A
2	Nguyễn Thị Thu Phương			x				5	750.000	2I
3	Hoàng Phương Linh			x				5	750.000	4B
4	Nguyễn Minh Nam Hoàng			x				5	750.000	1C
5	Nguyễn Minh Nam Phong			x				5	750.000	1D
6	Vũ Văn Mạnh				x			5	750.000	5A
8	Phạm Tiến Hưng				x			5	750.000	5C
9	Lê Nhã Uyên				x			5	750.000	2G
III	Bậc Trung học cơ sở	45		16	28				33 750 000	
1	THCS Diễn Hồng	15		3	12				11 250 000	
1	Lại Gia An				x			5	750.000	6A
2	Trần Yên Nhi				x			5	750.000	6G
3	Vương Diễm My				x			5	750.000	8G
4	Phạm Ánh Tuyết				x			5	750.000	8G
5	Nguyễn Thị Bảo Trâm				x			5	750.000	8G

6	Trần Quốc Việt				x			5	750.000	8G
7	Nguyễn Hồng Quang				x			5	750.000	9C
8	Mai Văn Hùng				x			5	750.000	9C
9	Nguyễn Thái Sơn				x			5	750.000	9C
10	Vũ Quang Trường				x			5	750.000	7C
11	Phan Ngọc Hân				x			5	750.000	7E
12	Trịnh Quang Trường			x				5	750.000	7G
13	Lưu Bảo Trâm			x				5	750.000	7C
14	Phạm Thị Ngọc Ánh				x			5	750.000	7D
15	Lê Gia Bảo			x				5	750.000	7D
2	THCS Vạn - Phong	19	1	9	9				14 250 000	
1	Lê Thị Bảo Châu			x				5	750.000	7A
2	Trần Đại Lộc			x				5	750.000	7B
4	Hà Ngọc Hải				x			5	750.000	7B
5	Dương Đăng Phước			x				5	750.000	7E
7	Lô Thị Phương Ly				x			5	750.000	8B
8	Bùi Ngọc Bích			x				5	750.000	8E
9	Nguyễn Văn Tiến				x			5	750.000	8G
10	Phạm Lê Ngọc Chuyên			x				5	750.000	9A
11	Phan Nhật Tiến			x				5	750.000	8B
12	Nguyễn Quỳnh Nga			x				5	750.000	8B

	1. Trẻ em mẫu giáo									
	2. Học sinh tiểu học									
	3. Học sinh trung học cơ sở									
	TỔNG CỘNG (I+II)	103		32	70			13	77 250 000	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC CHÂU